

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN  
VĨNH SƠN – SÔNG HÌNH  
VINH SON - SONG HINH  
HYDROPOWER JSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
*Independence- Freedom- Happiness*

Số/No.: 203 /VSH-TCKT

Quy Nhơn, ngày 05 tháng 03 năm 2025  
Quy Nhơn, March 5<sup>th</sup> 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**  
**PERIODIC DISCLOSURE OF INFORMATION**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
*Respectfully to: The State Securities Commission;*  
- Sở giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh.  
*Ho Chi Minh Stock Exchange*

- Tên tổ chức : Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình  
*Organization name: Vinh Son - Song Hinh Hydropower Joint Stock Company*  
Mã chứng khoán/ Stock code: VSH  
Địa chỉ: 21 Nguyễn Huệ, P. Hải Cảng, Tp. Quy Nhơn, T. Bình Định  
*Address: 21 Nguyen Hue Street, Hai Cang Ward, Quy Nhon City, Binh Dinh province*  
Điện thoại/Tel: (0256) 3892 792  
Fax : (0256) 3891 975
- Nội dung thông tin công bố/*Contents of the disclosed information*  
Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình (VSH) công bố thông tin: Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp năm 2024 đã được kiểm toán.  
*Vinh Son - Song Hinh Hydropower Joint Stock Company (VSH) would like to disclose the following information: The audited separate and consolidated financial statements for 2024.*
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của VSH vào ngày 05 tháng 03 năm 2025 tại đường dẫn: <http://www.vshpc.evn.com.vn>  
*This information was published on the Company's website on March 05<sup>th</sup>, 2025, as the following link <http://www.vshpc.evn.com.vn>*  
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.  
*We hereby certify that the information provided is true and accurate, and we bear full responsibility under the law.*

**Tài liệu đính kèm/ Attached documents:**

- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024/ *The audited financial statements for 2024;*
- Giải trình biến động lợi nhuận trên BCTC kiểm toán năm 2024.  
*Explanation of profit fluctuations in the audited financial statements for 2024*

**Nơi nhận/ Recipients**

- Như trên/As above;
  - Phụ trách Quản trị Công ty;  
*In charge of Company Admin.*
  - Lưu: Văn thư, TCKT.
- Archived by: The office, F&A Dept.*

**Đại diện tổ chức**  
**Organization Representative**  
**Người đại diện theo pháp luật**  
**Legal Representative**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**General Director**



*[Handwritten Signature]*  
**Nguyễn Văn Thanh**

**Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh**

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



**Shape the future  
with confidence**

# Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



# Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

## MỤC LỤC

|  | <i>Trang</i> |
|--|--------------|
| Thông tin chung                            | 1            |
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc              | 2            |
| Báo cáo kiểm toán độc lập                  | 3 - 4        |
| Bảng cân đối kế toán riêng                 | 5 - 6        |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng | 7            |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng           | 8 - 9        |
| Thuyết minh báo cáo tài chính riêng        | 10 - 34      |

# Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("Công ty"), tiền thân là Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam - "EVN"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Bình Định cấp ngày 4 tháng 5 năm 2005 và các GCNĐKDD điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 vào ngày 5 tháng 4 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là VSH theo Quyết định số 54/UBCK-GDNY ngày 28 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 21, Đường Nguyễn Huệ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam và hai chi nhánh là Công ty Thủy điện Thượng Kon Tum – Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh tại Thôn Điek Tem, Xã Ngok Tem, Huyện Kon Plông, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam và Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh – Chi nhánh Trung tâm Dịch vụ Tư vấn Kỹ thuật tại Số 21 Đường Nguyễn Huệ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

|                        |                    |
|------------------------|--------------------|
| Ông Võ Thành Trung     | Chủ tịch           |
| Ông Nguyễn Văn Thanh   | Thành viên         |
| Ông Nguyễn Quang Quyền | Thành viên         |
| Ông Lê Tuấn Hải        | Thành viên         |
| Ông Nguyễn Thanh Hải   | Thành viên độc lập |

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

|                     |            |
|---------------------|------------|
| Ông Quách Vĩnh Bình | Trưởng ban |
| Ông Hoàng Kim Minh  | Thành viên |
| Ông Trần Văn Hoàng  | Thành viên |

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

|                      |                   |
|----------------------|-------------------|
| Ông Nguyễn Văn Thanh | Tổng Giám đốc     |
| Ông Hoàng Anh Tuấn   | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Dương Tấn Tường  | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Trần Công Đàm    | Phó Tổng Giám đốc |

bổ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2024

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Thanh.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có một công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 để ngày 4 tháng 3 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Văn Thanh  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Ngày 4 tháng 3 năm 2025

Số tham chiếu: 11878879/67745329-R

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("Công ty") được lập ngày 4 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 34, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đi kèm.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm của chúng tôi.





Shape the future  
with confidence

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Lê Văn Trường  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1588-2023-004-1

Ngô Thị Thúy Hòa  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 4171-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 4 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

| Mã số      | TÀI SẢN                                       | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|------------|---|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>100</b> | <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                    |             | <b>1.099.292.035.104</b> | <b>1.461.502.758.051</b> |
| <b>110</b> | <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>  | <b>4</b>    | <b>368.149.088.979</b>   | <b>133.445.514.710</b>   |
| 111        | 1. Tiền                                       |             | 14.849.088.979           | 8.390.733.888            |
| 112        | 2. Các khoản tương đương tiền                 |             | 353.300.000.000          | 125.054.780.822          |
| <b>120</b> | <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>          |             | <b>39.000.000.000</b>    | <b>35.000.000.000</b>    |
| 123        | 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn            | 12.1        | 39.000.000.000           | 35.000.000.000           |
| <b>130</b> | <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>       |             | <b>584.447.451.296</b>   | <b>1.188.477.865.408</b> |
| 131        | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng           | 5           | 579.240.431.239          | 1.171.681.798.031        |
| 132        | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn           | 6           | 10.677.333.646           | 21.310.082.289           |
| 136        | 3. Phải thu ngắn hạn khác                     | 7           | 3.637.930.677            | 4.594.229.354            |
| 137        | 4. Dự phòng ngắn hạn phải thu khó đòi         | 6           | (9.108.244.266)          | (9.108.244.266)          |
| <b>140</b> | <b>IV. Hàng tồn kho</b>                       | <b>8</b>    | <b>107.695.494.829</b>   | <b>104.579.377.933</b>   |
| 141        | 1. Hàng tồn kho                               |             | 107.695.494.829          | 104.579.377.933          |
| <b>200</b> | <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                     |             | <b>7.518.021.551.880</b> | <b>8.081.816.679.808</b> |
| <b>220</b> | <b>I. Tài sản cố định</b>                     |             | <b>7.474.927.599.874</b> | <b>8.016.982.600.358</b> |
| 221        | 1. Tài sản cố định hữu hình                   | 9           | 7.474.927.599.874        | 8.016.982.600.358        |
| 222        | Nguyên giá                                    |             | 12.311.333.389.628       | 12.272.293.426.280       |
| 223        | Giá trị khấu hao lũy kế                       |             | (4.836.405.789.754)      | (4.255.310.825.922)      |
| <b>240</b> | <b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>            |             | <b>26.991.051.398</b>    | <b>49.625.132.217</b>    |
| 242        | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang            | 10          | 26.991.051.398           | 49.625.132.217           |
| <b>250</b> | <b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>          |             | <b>1.000.000.000</b>     | <b>1.000.000.000</b>     |
| 251        | 1. Đầu tư vào công ty con                     | 12.2        | 1.000.000.000            | 1.000.000.000            |
| <b>260</b> | <b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>               |             | <b>15.102.900.608</b>    | <b>14.208.947.233</b>    |
| 261        | 1. Chi phí trả trước dài hạn                  |             | 5.335.225.826            | 4.379.261.140            |
| 262        | 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại             | 25.3        | 518.657.708              | 518.657.708              |
| 263        | 3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 11          | 9.249.017.074            | 9.311.028.385            |
| <b>270</b> | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                      |             | <b>8.617.313.586.984</b> | <b>9.543.319.437.859</b> |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

| Mã số      | NGUỒN VỐN   | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|------------|---|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>300</b> | <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>   |             | <b>3.925.090.117.715</b> | <b>4.938.842.306.592</b> |
| <b>310</b> | <b>I. Nợ ngắn hạn</b>   |             | <b>485.752.875.401</b>   | <b>1.194.503.630.950</b> |
| 311        | 1. Phải trả người bán ngắn hạn                                | 13          | 145.709.106.155          | 138.155.438.579          |
| 313        | 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước                        | 14          | 70.181.236.777           | 118.499.708.519          |
| 314        | 3. Phải trả người lao động                                    |             | 21.800.620.605           | 17.175.350.670           |
| 315        | 4. Chi phí phải trả ngắn hạn                                  | 15          | 6.253.164.758            | 6.531.758.082            |
| 319        | 5. Phải trả ngắn hạn khác                                     | 16          | 121.425.920.208          | 714.734.823.399          |
| 320        | 6. Vay ngắn hạn   | 17          | 115.370.438.196          | 196.486.094.356          |
| 322        | 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                                  | 18          | 5.012.388.702            | 2.920.457.345            |
| <b>330</b> | <b>II. Nợ dài hạn</b>   |             | <b>3.439.337.242.314</b> | <b>3.744.338.675.642</b> |
| 337        | 1. Phải trả dài hạn khác                                      | 16          | 201.734.197.176          | 201.734.197.176          |
| 338        | 2. Vay dài hạn  | 17          | 3.237.603.045.138        | 3.542.604.478.466        |
| <b>400</b> | <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                      |             | <b>4.692.223.469.269</b> | <b>4.604.477.131.267</b> |
| <b>410</b> | <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                      | <b>19.1</b> | <b>4.692.223.469.269</b> | <b>4.604.477.131.267</b> |
| 411        | 1. Vốn cổ phần  |             | 2.362.412.460.000        | 2.362.412.460.000        |
| 411a       | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                      |             | 2.362.412.460.000        | 2.362.412.460.000        |
| 412        | 2. Thặng dư vốn cổ phần                                       |             | 6.271.968.038            | 6.271.968.038            |
| 418        | 3. Quỹ đầu tư phát triển                                      |             | 356.373.490.000          | 356.373.490.000          |
| 420        | 4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                              |             | 27.661.280.000           | 27.661.280.000           |
| 421        | 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                          |             | 1.939.504.271.231        | 1.851.757.933.229        |
| 421a       | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước |             | 1.491.864.064.229        | 858.457.366.361          |
| 421b       | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm                 |             | 447.640.207.002          | 993.300.566.868          |
| <b>440</b> | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                                    |             | <b>8.617.313.586.984</b> | <b>9.543.319.437.859</b> |

Lê Thị Hải Yến  
Người lập

Phan Thị Thanh Thúy  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thanh  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Ngày 4 tháng 3 năm 2025

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

| Mã số | CHỈ TIÊU   | Thuyết minh | Năm nay           | Năm trước           |
|-------|--|-------------|-------------------|---------------------|
| 10    | 1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20.1        | 1.825.139.095.390 | 2.572.042.429.434   |
| 11    | 2. Giá vốn hàng bán                                | 21          | (952.428.825.690) | (1.013.678.927.195) |
| 20    | 3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   |             | 872.710.269.700   | 1.558.363.502.239   |
| 21    | 4. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 20.2        | 14.418.780.536    | 5.448.160.833       |
| 22    | 5. Chi phí tài chính                               | 22          | (318.030.261.880) | (410.445.134.482)   |
| 23    | Trong đó: Chi phí lãi vay                          |             | (277.799.861.038) | (392.412.796.174)   |
| 26    | 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 23          | (47.591.892.263)  | (60.702.874.329)    |
| 30    | 7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh         |             | 521.506.896.093   | 1.092.663.654.261   |
| 31    | 8. Thu nhập khác                                   |             | 360.345           | 155.967.975         |
| 32    | 9. Chi phí khác                                    |             | (283.439.596)     | (1.076.349.968)     |
| 40    | 10. Lỗ khác  |             | (283.079.251)     | (920.381.993)       |
| 50    | 11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              |             | 521.223.816.842   | 1.091.743.272.268   |
| 51    | 12. Chi phí thuế TNDN hiện hành                    | 25.1        | (73.583.609.840)  | (98.442.705.400)    |
| 60    | 13. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN                  |             | 447.640.207.002   | 993.300.566.868     |



Lê Thị Hải Yến  
Người lập



Phan Thị Thanh Thủy  
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Thanh  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Ngày 4 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

| Mã số | CHỈ TIÊU   | Thuyết minh | Năm nay                  | Năm trước                |
|-------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
|       | <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                                    |             |                          |                          |
| 01    | <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>   |             | <b>521.223.816.842</b>   | <b>1.091.743.272.268</b> |
|       | <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>   |             |                          |                          |
| 02    | Khấu hao   | 9           | 590.653.363.779          | 587.959.910.854          |
| 04    | Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ |             | 1.677.084.737            | 13.621.277.430           |
| 05    | Lãi từ hoạt động đầu tư  |             | (13.781.295.260)         | (5.308.701.448)          |
| 06    | Chi phí lãi vay  | 22          | 277.799.861.038          | 392.412.796.174          |
| 08    | <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>                 |             | <b>1.377.572.831.136</b> | <b>2.080.428.555.278</b> |
| 09    | Giảm (tăng) các khoản phải thu   |             | 604.454.690.211          | (380.421.318.722)        |
| 10    | Tăng hàng tồn kho  |             | (3.054.105.585)          | (4.009.524.765)          |
| 11    | Giảm các khoản phải trả  |             | (21.200.149.299)         | (32.165.569.934)         |
| 12    | (Tăng) giảm chi phí trả trước  |             | (955.964.686)            | 193.336.258              |
| 14    | Tiền lãi vay đã trả  |             | (298.394.832.501)        | (448.786.760.522)        |
| 15    | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 14          | (78.440.415.400)         | (129.991.365.669)        |
| 17    | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   | 18          | (3.451.468.643)          | (7.045.534.688)          |
| 20    | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                 |             | <b>1.576.530.585.233</b> | <b>1.078.201.817.236</b> |
|       | <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                                       |             |                          |                          |
| 21    | Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định                                      |             | (18.410.614.900)         | (46.765.912.824)         |
| 23    | Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn   |             | (39.000.000.000)         | (35.000.000.000)         |
| 24    | Tiền thu gửi ngân hàng có kỳ hạn   |             | 35.000.000.000           | 36.500.000.000           |
| 27    | Tiền thu từ lãi tiền gửi   |             | 13.357.019.161           | 5.078.144.121            |
| 30    | <b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>                            |             | <b>(9.053.595.739)</b>   | <b>(40.187.768.703)</b>  |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

| Mã số | CHỈ TIÊU  | Thuyết minh | Năm nay             | Năm trước           |
|-------|---|-------------|---------------------|---------------------|
|       | <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>    |             |                     |                     |
| 33    | Tiền nhận từ đi vay                                   | 17          | 1.258.000.000.000   | -                   |
| 34    | Tiền chi trả nợ gốc vay                               | 17          | (1.645.794.174.225) | (327.303.628.961)   |
| 36    | Cổ tức đã trả   | 19.4        | (944.979.241.000)   | (708.723.738.000)   |
| 40    | Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính |             | (1.332.773.415.225) | (1.036.027.366.961) |
| 50    | Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm   |             | 234.703.574.269     | 1.986.681.572       |
| 60    | Tiền và tương đương tiền đầu năm                      |             | 133.445.514.710     | 131.458.833.138     |
| 70    | Tiền và tương đương tiền cuối năm                     | 4           | 368.149.088.979     | 133.445.514.710     |

Lê Thị Hải Yến  
Người lập

Phan Thị Thanh Thúy  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thanh  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Ngày 4 tháng 3 năm 2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("Công ty"), tiền thân là Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam - "EVN"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Bình Định cấp ngày 4 tháng 5 năm 2005 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 vào ngày 5 tháng 4 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là VSH theo Quyết định số 54/UBCK-GDNY ngày 28 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 21, Đường Nguyễn Huệ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam và hai chi nhánh là Công ty Thủy điện Thượng Kon Tum - Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh tại Thôn Điek Tem, Xã Ngok Tem, Huyện Kon Plông, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam và Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh - Chi nhánh Trung tâm Dịch vụ Tư vấn Kỹ thuật tại Số 21 Đường Nguyễn Huệ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Hiện tại, Công ty đang vận hành 3 nhà máy thủy điện như sau:

- Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn có công suất 66 MW đặt tại Xã Vĩnh Kim, Huyện Vĩnh Thạnh, Tỉnh Bình Định.
- Nhà máy thủy điện Sông Hinh có công suất 70 MW đặt tại Xã Sơn Thành Tây, Huyện Tây Hòa, Tỉnh Phú Yên.
- Nhà máy thủy điện Thượng Kon Tum có công suất 220 MW đặt tại xã Ngok Tem, huyện Kon plông, tỉnh Kon Tum (Công ty Thủy điện Thượng Kon Tum - Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh).

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 218 (ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 225).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng**

Công ty có một công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12.2. Công ty lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đề ngày 4 tháng 3 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp tục)**

**2.2 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Khấu hao**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

|                          |            |
|--------------------------|------------|
| Nhà cửa và vật kiến trúc | 5 - 50 năm |
| Máy móc và thiết bị      | 5 - 20 năm |
| Phương tiện vận tải      | 3 - 10 năm |
| Thiết bị văn phòng       | 3 - 10 năm |

**3.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc, Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng nhà máy, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.9 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

##### ▶ Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

##### ▶ Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, thực hiện chế độ phúc lợi cho người lao động và phúc lợi xã hội, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

##### ▶ Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

##### ▶ Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Nghị quyết Số 467.1/2015/TNQ-VSH-HDQT ngày 11 tháng 5 năm 2015 của Hội đồng Quản trị và Nghị quyết Đại hội Cổ đông Số 467/2015/TNQ-VSH-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2015 đã phê duyệt mức trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ với số tiền là 27.661.280.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán điện*

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận của Công ty Mua bán điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.14 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng. Khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**3.15 Thông tin theo bộ phận**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

**3.16 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

|                                | VND                    |                        |
|--------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
| Tiền mặt                       | 127.486.803            | 34.810.559             |
| Tiền gửi ngân hàng             | 14.721.602.176         | 8.355.923.329          |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 353.300.000.000        | 125.054.780.822        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>               | <b>368.149.088.979</b> | <b>133.445.514.710</b> |

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất từ 4,0% đến 4,75%/năm.

H. S. I. G. U. N. I. T. A

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

|   | VND                    |                          |
|---|------------------------|--------------------------|
|   | Số cuối năm            | Số đầu năm               |
| Phải thu bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 26</i> ) | 579.040.431.239        | 1.171.028.198.031        |
| Phải thu từ khách hàng khác                         | 200.000.000            | 653.600.000              |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                    | <b>579.240.431.239</b> | <b>1.171.681.798.031</b> |

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

|  | VND                   |                       |
|--|-----------------------|-----------------------|
|  | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
| Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu hầm                        | 4.725.312.781         | 4.725.312.781         |
| Doanh nghiệp Tư nhân Vân Trường                                | 1.891.000.000         | 1.891.000.000         |
| Công ty Cổ phần Lilama 45.4                                    | 1.422.920.070         | 1.422.920.070         |
| Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng<br>Tỉnh Kon Tum            | 893.983.053           | 893.983.053           |
| Công ty TNHH Phương Đông                                       | -                     | 2.714.000.000         |
| Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn Ban Mai                        | -                     | 2.590.810.000         |
| Cục giám định nhà nước về chất lượng<br>công trình xây dựng    | -                     | 2.288.048.379         |
| Các nhà cung cấp khác  | 1.744.117.742         | 4.784.008.006         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>   | <b>10.677.333.646</b> | <b>21.310.082.289</b> |
| Dự phòng các khoản trả trước cho người bán<br>ngắn hạn khó đòi | (9.108.244.266)       | (9.108.244.266)       |
| <b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>   | <b>1.569.089.380</b>  | <b>12.201.838.023</b> |

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

|                         | VND                  |                      |
|-------------------------|----------------------|----------------------|
|                         | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
| Lãi tiền gửi            | 1.864.170.412        | 1.439.894.313        |
| Phải thu người lao động | 662.621.612          | 3.151.886.156        |
| Khác                    | 1.111.138.653        | 2.448.885            |
| <b>TỔNG CỘNG</b>        | <b>3.637.930.677</b> | <b>4.594.229.354</b> |

**8. HÀNG TỒN KHO**

|                                     | VND             |                 |
|-------------------------------------|-----------------|-----------------|
|                                     | Số cuối năm     | Số đầu năm      |
| Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế | 107.695.494.829 | 104.579.377.933 |

## Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

| Nguyên giá   | Nhà cửa và<br>vật kiến trúc | Máy móc và<br>thiết bị | Phương tiện<br>vận tải | Thiết bị<br>văn phòng | Tổng cộng           |
|--|-----------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|---------------------|
| Số đầu năm   | 9.399.908.010.898           | 2.807.127.163.424      | 54.867.753.450         | 10.390.498.508        | 12.272.293.426.280  |
| Đầu tư xây dựng cơ bản<br>hoàn thành (Thuyết minh số 10) | 17.970.816.675              | 7.408.595.288          | -                      | -                     | 25.379.411.963      |
| Mua trong năm  | -                           | 21.303.740.961         | 1.721.559.771          | 193.650.600           | 23.218.951.332      |
| Xóa sổ trong năm   | -                           | (9.158.399.947)        | (400.000.000)          | -                     | (9.558.399.947)     |
| Số cuối năm  | 9.417.878.827.573           | 2.826.681.099.726      | 56.189.313.221         | 10.584.149.108        | 12.311.333.389.628  |
| Trong đó:  |                             |                        |                        |                       |                     |
| Đã khấu hao hết  | 452.245.936.170             | 878.764.402.597        | 30.968.686.572         | 1.651.223.541         | 1.363.630.248.880   |
| Giá trị khấu hao lũy kế                                  |                             |                        |                        |                       |                     |
| Số đầu năm   | (3.003.197.848.986)         | (1.211.272.220.795)    | (36.249.322.294)       | (4.591.433.847)       | (4.255.310.825.922) |
| Khấu hao trong năm                                       | (486.887.269.222)           | (100.475.485.176)      | (2.957.192.805)        | (333.416.576)         | (590.653.363.779)   |
| Xóa sổ trong năm   | -                           | 9.158.399.947          | 400.000.000            | -                     | 9.558.399.947       |
| Số cuối năm  | (3.490.085.118.208)         | (1.302.589.306.024)    | (38.806.515.099)       | (4.924.850.423)       | (4.836.405.789.754) |
| Giá trị còn lại  |                             |                        |                        |                       |                     |
| Số đầu năm   | 6.396.710.161.912           | 1.595.854.942.629      | 18.618.431.156         | 5.799.064.661         | 8.016.982.600.358   |
| Số cuối năm  | 5.927.793.709.365           | 1.524.091.793.702      | 17.382.798.122         | 5.659.298.685         | 7.474.927.599.874   |

Công ty đã sử dụng một phần tài sản tại Nhà máy Thủy điện Sông Hinh với giá trị còn lại vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 105.891.383.775 VND làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay dài hạn theo Hợp đồng thế chấp số 01/2006/HĐTCTS-TL ngày 12 tháng 4 năm 2006 (Thuyết minh số 17).

Công ty đã sử dụng toàn bộ tài sản hình thành từ Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum với giá trị còn lại vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 7.166.430.481.214 VND làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn dài hạn theo các hợp đồng thế chấp lần lượt là số 01/2015/HĐTCTS và số 01/2017/HĐTCTS ngày 26 tháng 3 năm 2015 và ngày 27 tháng 12 năm 2017 và các Phụ lục sửa đổi bổ sung (Thuyết minh số 17).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

|                                    | VND                   |                       |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                    | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
| Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum (*) | 13.174.106.496        | 38.326.164.450        |
| Khác                               | 13.816.944.902        | 11.298.967.767        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                   | <b>26.991.051.398</b> | <b>49.625.132.217</b> |

(\*) Đây là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum đang trong quá trình thực hiện quyết toán.

Chi tiết tình hình tăng giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

|   | VND              |                 |
|---|------------------|-----------------|
|   | Năm nay          | Năm trước       |
| Số đầu năm  | 49.625.132.217   | 55.787.129.543  |
| Xây dựng cơ bản   | 30.185.437.477   | 8.215.466.854   |
| Điều chỉnh giảm do quyết toán một số hạng mục dở dang   | (27.440.106.333) | (9.391.054.973) |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh số 9) | (25.379.411.963) | (4.986.409.207) |
| Số cuối năm   | 26.991.051.398   | 49.625.132.217  |

**11. THIẾT BỊ VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN**

Đây là giá trị thuần của công cụ, dụng cụ, vật tư và phụ tùng dùng để thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản nhưng không đủ tiêu chuẩn để phân loại là tài sản cố định và có thời gian dự trữ là trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**12.1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất 4.2%/năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**12.2 Đầu tư tài chính dài hạn**

Vào ngày kết thúc năm tài chính, chi tiết khoản đầu tư vào công ty con được trình bày như sau:

| Tên công ty con  | Số cuối năm       |                      | Số đầu năm        |                      |
|--|-------------------|----------------------|-------------------|----------------------|
|  | Vốn đầu tư<br>VND | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>% | Vốn đầu tư<br>VND | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>% |
|  |                   |                      |                   |                      |
| Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật VSH | 1.000.000.000     | 100,00               | 1.000.000.000     | 100,00               |

Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật VSH ("TVDVKT VSH") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4100922968 do SKHĐT Tỉnh Bình Định cấp ngày 24 tháng 7 năm 2009 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong năm hiện tại của TVDVKT VSH là tư vấn, giám sát và cung cấp các dịch vụ kỹ thuật công trình xây dựng, TVDVKT VSH có trụ sở chính đăng ký tại số 21 Đường Nguyễn Huệ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÀN HẠN**

|   | VND                    |                        |
|---|------------------------|------------------------|
|   | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
| Phải trả cho người bán                                | 145.084.730.494        | 137.531.062.918        |
| - Tổ hợp nhà thầu Huadong - CR 18G                    | 84.420.271.971         | 84.420.271.971         |
| - Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng 47                  | 41.097.513.768         | 41.097.513.768         |
| - Khác  | 19.566.944.755         | 12.013.277.179         |
| Phải trả cho các bên liên quan<br>(Thuyết minh số 26) | 624.375.661            | 624.375.661            |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                      | <b>145.709.106.155</b> | <b>138.155.438.579</b> |

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

|                             | VND                    |                        |                          |                       |
|-----------------------------|------------------------|------------------------|--------------------------|-----------------------|
|                             | Số đầu năm             | Tăng trong năm         | Giảm trong năm           | Số cuối năm           |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp  | 43.440.415.400         | 73.583.609.840         | (78.440.415.400)         | 38.583.609.840        |
| Thuế giá trị gia tăng       | 20.552.146.513         | 146.289.608.834        | (162.230.380.286)        | 4.611.375.061         |
| Phí dịch vụ môi trường rừng | 23.593.106.808         | 61.162.819.164         | (67.989.942.108)         | 16.765.983.864        |
| Thuế tài nguyên             | 27.092.329.749         | 172.588.003.828        | (190.256.817.823)        | 9.423.515.754         |
| Thuế thu nhập cá nhân       | 3.821.710.049          | 4.983.039.800          | (8.007.997.591)          | 796.752.258           |
| Thuế tài nguyên nước        | -                      | 18.092.451.000         | (18.092.451.000)         | -                     |
| Thuế khác                   | -                      | 662.034.113            | (662.034.113)            | -                     |
| <b>TỔNG CỘNG</b>            | <b>118.499.708.519</b> | <b>477.361.566.579</b> | <b>(525.680.038.321)</b> | <b>70.181.236.777</b> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

|                             | VND                  |                      |
|-----------------------------|----------------------|----------------------|
|                             | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
| Chi phí lãi vay trích trước | <u>6.253.164.758</u> | <u>6.531.758.082</u> |

**16. PHẢI TRẢ KHÁC**

|   | VND                           |                               |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
|   | Số cuối năm                   | Số đầu năm                    |
| <b>Ngắn hạn</b>   | <b>121.425.920.208</b>        | <b>714.734.823.399</b>        |
| Phải trả cổ tức (*)   | 118.262.276.200               | 708.879.648.200               |
| Phải trả khác   | 3.163.644.008                 | 5.855.175.199                 |
| <b>Dài hạn</b>  | <b>201.734.197.176</b>        | <b>201.734.197.176</b>        |
| Phải trả bảo lãnh thực hiện hợp đồng (**)                       | <u>201.734.197.176</u>        | <u>201.734.197.176</u>        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>  | <b><u>323.160.117.384</u></b> | <b><u>916.469.020.575</u></b> |
| <i>Trong đó:</i>  |                               |                               |
| <i>Phải trả các bên liên quan</i><br><i>(Thuyết minh số 26)</i> | 98.198.013.500                | 589.188.081.000               |
| <i>Phải trả các bên khác</i>                                    | 224.962.103.884               | 327.280.939.575               |

(\*) Đây là khoản tiền phải trả cổ tức theo Nghị quyết số 1328/NQ-HĐQT ngày 9 tháng 12 năm 2024, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt tạm ứng cổ tức năm 2024 đợt 2 bằng tiền là 5% trên vốn điều lệ.

(\*\*) Đây là khoản tiền phải trả cho Tổ hợp nhà thầu Hydrochina Huadong – CR18G (“Tổ hợp nhà thầu”) liên quan đến việc Công ty đã thu hồi bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Tổ hợp nhà thầu.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh**

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. VAY NGÂN HÀNG**

|                                   | Số đầu năm               | Nhận vay                 | Trả nợ vay                 | Phân loại lại     | Chênh lệch tỷ giá    | Số cuối năm              |
|-----------------------------------|--------------------------|--------------------------|----------------------------|-------------------|----------------------|--------------------------|
| Ngắn hạn                          | 196.486.094.356          | -                        | (342.197.115.366)          | 260.919.255.298   | 162.203.908          | 115.370.438.196          |
| Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả | 196.486.094.356          | -                        | (342.197.115.366)          | 260.919.255.298   | 162.203.908          | 115.370.438.196          |
| Dài hạn                           | 3.542.604.478.466        | 1.258.000.000.000        | (1.303.597.058.859)        | (260.919.255.298) | 1.514.880.829        | 3.237.603.045.138        |
| Vay ngân hàng                     | 3.542.604.478.466        | 1.258.000.000.000        | (1.303.597.058.859)        | (260.919.255.298) | 1.514.880.829        | 3.237.603.045.138        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                  | <b>3.739.090.572.822</b> | <b>1.258.000.000.000</b> | <b>(1.645.794.174.225)</b> | <b>-</b>          | <b>1.677.084.737</b> | <b>3.352.973.483.334</b> |

VND

Chi tiết các khoản vay tin chấp từ các ngân hàng được trình bày như sau:

| Tên ngân hàng   | Số cuối năm (VND) | Hợp đồng                                | Ngày đến hạn  | Lãi suất (%/năm) |
|---|-------------------|---|---|------------------|
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") - Chi nhánh Bình Định (i) | 574.174.000.000   | Số 01/2015/HĐTD với hạn mức 850 tỷ đồng | Từ ngày 26 tháng 6 năm 2026 đến ngày 8 tháng 10 năm 2030  | 6,7% - 8,5%      |
|   | 416.287.000.000   | Số 01/2017/HĐTD với hạn mức 600 tỷ đồng | Từ ngày 26 tháng 3 năm 2026 đến ngày 8 tháng 10 năm 2030  | 6,7% - 8,0%      |
|   | 694.355.000.000   | Số 01/2024/HĐTD với hạn mức 818 tỷ đồng | Từ ngày 26 tháng 6 năm 2025 đến ngày 22 tháng 9 năm 2030  | 6,7% - 8,0%      |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") - Chi nhánh Kon Tum (i)    | 597.924.232.167   | Số 01/2015/HĐTD với hạn mức 700 tỷ đồng | Từ ngày 26 tháng 3 năm 2026 đến ngày 13 tháng 7 năm 2030  | 6,6% - 8,3%      |
|   | 228.228.998.000   | Số 01/2017/HĐTD với hạn mức 500 tỷ đồng | Từ ngày 26 tháng 12 năm 2028 đến ngày 13 tháng 7 năm 2030 | 6,6% - 7,8%      |
| Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai (i)   | 340.411.000.000   | Số 01/2015/HĐTD với hạn mức 400 tỷ đồng | Từ ngày 26 tháng 3 năm 2026 đến ngày 13 tháng 7 năm 2030  | 6,6% - 8,3%      |
| Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam ("VIB") - Hội Sở (ii)                           | 418.000.000.000   | Số 309691224 với hạn mức 440 tỷ đồng    | Từ ngày 26 tháng 2 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2029  | 7,0%             |

## Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 17. VAY NGÂN HÀNG (tiếp theo)

| Tên ngân hàng   | Số cuối năm<br>(VND) | Nguyên tệ<br>(USD) | Ngày đến hạn  | Lãi suất<br>(%/năm)                         | Hình thức đảm bảo  |
|---|----------------------|--------------------|---|---|--|
| Ngân hàng Phát triển Việt Nam<br>- Chi nhánh Nam Trung Bộ (iii) | 83.593.253.167       | 3.435.103,89       | Từ ngày 31 tháng<br>3 năm 2025 đến<br>ngày 31 tháng 3<br>năm 2035 | Phí dịch vụ 0,75%<br>và phí quản lý<br>0,2% | Một phần tài sản cố định hữu hình<br>tại Nhà máy Thủy điện Sông Hinh,<br>trị giá 105.891.383.775 VND<br>(Thuyết minh số 9) |

**TỔNG CỘNG** 3.352.973.483.334 3.435.103,89

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả 115.370.438.196  
Vay dài hạn 3.237.603.045.138

- (i) Những khoản vay này nhằm mục đích thanh toán chi phí đầu tư xây dựng Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum, theo thỏa thuận tài trợ dự án số 01/2015/TTDA và 01/2017/TTDA và các phụ lục sửa đổi bổ sung giữa Công ty và các ngân hàng thương mại bao gồm BIDV - Chi nhánh Bình Định, Vietcombank - Chi nhánh Kon Tum, Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai trong đó, BIDV - Chi nhánh Bình Định giữ vai trò là ngân hàng đầu mối và đại lý nhận tài sản đảm bảo, bao gồm toàn bộ quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum (Thuyết minh số 9).
- (ii) Đây là khoản vay tái cấu trúc đầu tư xây dựng Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum được bảo đảm bằng 15.000.000 cổ phiếu Công ty với mã chứng khoán là VSH, thuộc sở hữu Công ty TNHH Năng lượng REE.
- (iii) Đây là khoản vay để đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Sông Hinh từ nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức của Quỹ Phát triển Bắc Âu ("NDF"). Vào ngày 22 tháng 11 năm 2005, Công ty đã nhận bản giao khoản vay này từ Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện Lực Việt Nam - EVN) khi thực hiện cổ phần hoá thông qua hợp đồng tin dụng số 01/TDNN với Chi nhánh Quỹ hỗ trợ Phát triển Phú Yên (nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Trung Bộ). Các khoản vay này không lãi suất và chịu chi phí quản lý vốn vay 0,2%/năm và phí dịch vụ 0,75%/năm. Công ty sử dụng một phần tài sản cố định hữu hình tại Nhà máy Thủy điện Sông Hinh làm tài sản đảm bảo (Thuyết minh số 9).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

|                             | <i>VND</i>           |                      |
|-----------------------------|----------------------|----------------------|
|                             | <i>Năm nay</i>       | <i>Năm trước</i>     |
| Số đầu năm                  | 2.920.457.345        | 1.582.189.956        |
| Trích từ lợi nhuận sau thuế | 5.532.000.000        | 8.048.000.000        |
| Sử dụng quỹ trong năm       | (3.451.468.643)      | (7.045.534.688)      |
| Các nguồn tăng khác         | 11.400.000           | 335.802.077          |
| Số cuối năm                 | <u>5.012.388.702</u> | <u>2.920.457.345</u> |

**Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh**

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**19.1 Tính hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

|  | Vốn cổ phần       | Thặng dư vốn<br>cổ phần | Quỹ đầu tư<br>phát triển | Quỹ khác thuộc<br>vốn chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế<br>chưa phân phối | Tổng cộng         |
|--|-------------------|-------------------------|--------------------------|----------------------------------|--------------------------------------|-------------------|
| <b>Năm trước:</b>                          |                   |                         |                          |                                  |                                      | VND               |
| Số đầu năm                                 | 2.362.412.460.000 | 6.271.968.038           | 356.373.490.000          | 27.661.280.000                   | 2.283.952.842.361                    | 5.036.672.040.399 |
| Lợi nhuận thuần trong năm                  | -                 | -                       | -                        | -                                | 993.300.566.868                      | 993.300.566.868   |
| Trích lập quỹ khen thưởng,<br>phúc lợi     | -                 | -                       | -                        | -                                | (8.048.000.000)                      | (8.048.000.000)   |
| Cổ tức                                     | -                 | -                       | -                        | -                                | (708.723.738.000)                    | (708.723.738.000) |
| Tạm ứng cổ tức                             | -                 | -                       | -                        | -                                | (708.723.738.000)                    | (708.723.738.000) |
| Số cuối năm                                | 2.362.412.460.000 | 6.271.968.038           | 356.373.490.000          | 27.661.280.000                   | 1.851.757.933.229                    | 4.604.477.131.267 |
| <b>Năm nay:</b>                            |                   |                         |                          |                                  |                                      |                   |
| Số đầu năm                                 | 2.362.412.460.000 | 6.271.968.038           | 356.373.490.000          | 27.661.280.000                   | 1.851.757.933.229                    | 4.604.477.131.267 |
| Lợi nhuận thuần trong năm                  | -                 | -                       | -                        | -                                | 447.640.207.002                      | 447.640.207.002   |
| Trích lập quỹ khen thưởng,<br>phúc lợi (*) | -                 | -                       | -                        | -                                | (5.532.000.000)                      | (5.532.000.000)   |
| Tạm ứng cổ tức (**)                        | -                 | -                       | -                        | -                                | (354.361.869.000)                    | (354.361.869.000) |
| Số cuối năm                                | 2.362.412.460.000 | 6.271.968.038           | 356.373.490.000          | 27.661.280.000                   | 1.939.504.271.231                    | 4.692.223.469.269 |

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 361/NQ-ĐHĐCĐ ngày 4 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế để chi trả cổ tức năm 2023 và trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi.

(\*\*) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1199/NQ-HĐQT ngày 1 tháng 11 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1328/NQ-HĐQT ngày 9 tháng 12 năm 2024, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt phương án tạm ứng cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt là 15% trên vốn điều lệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**19.2 Chi tiết vốn cổ phần**

|   | Số cuối năm              |               | Số đầu năm               |               |
|---|--------------------------|---------------|--------------------------|---------------|
|   | Giá trị VND              | % sở hữu      | Giá trị VND              | % sở hữu      |
| Công ty TNHH Năng lượng REE   | 1.242.129.780.000        | 52,58         | 1.242.129.780.000        | 52,58         |
| Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần Samarang Ucits - Samarang Asian Prosperity | 721.830.490.000          | 30,55         | 721.830.490.000          | 30,55         |
| Các cổ đông khác  | 233.297.240.000          | 9,88          | 233.297.240.000          | 9,88          |
|   | 165.154.950.000          | 6,99          | 165.154.950.000          | 6,99          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>  | <b>2.362.412.460.000</b> | <b>100,00</b> | <b>2.362.412.460.000</b> | <b>100,00</b> |

**19.3 Cổ phiếu**

|                               | Số cuối năm | Số đầu năm  |
|-------------------------------|-------------|-------------|
|                               | Số lượng    | Số lượng    |
| Cổ phiếu đăng ký phát hành    | 236.241.246 | 236.241.246 |
| Cổ phiếu đã bán ra công chúng | 236.241.246 | 236.241.246 |
| Cổ phiếu phổ thông            | 236.241.246 | 236.241.246 |
| Cổ phiếu đang lưu hành        | 236.241.246 | 236.241.246 |
| Cổ phiếu phổ thông            | 236.241.246 | 236.241.246 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu (vào ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10.000 VND/cổ phiếu). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

**19.4 Cổ tức**

|                                    | VND                    |                          |
|------------------------------------|------------------------|--------------------------|
|                                    | Năm nay                | Năm trước                |
| <b>Cổ tức đã công bố trong năm</b> | <b>354.361.869.000</b> | <b>1.417.447.476.000</b> |
| Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông     |                        |                          |
| Cổ tức trả bằng tiền cho năm 2024  | 236.255.503.000        | -                        |
| Cổ tức trả bằng tiền cho năm 2023  | 708.723.738.000        | 708.723.738.000          |

**20. DOANH THU**

**20.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

|  | VND                      |                          |
|--|--------------------------|--------------------------|
|  | Năm nay                  | Năm trước                |
| Doanh thu bán điện cho bên liên quan (Thuyết minh số 26) | 1.824.439.095.390        | 2.571.342.429.434        |
| Doanh thu khác   | 700.000.000              | 700.000.000              |
| <b>TỔNG CỘNG</b>   | <b>1.825.139.095.390</b> | <b>2.572.042.429.434</b> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. DOANH THU (tiếp theo)**

**20.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

|                        | VND                   |                      |
|------------------------|-----------------------|----------------------|
|                        | Năm nay               | Năm trước            |
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 13.781.295.260        | 5.308.701.448        |
| Lãi chênh lệch tỷ giá  | 637.485.276           | 139.459.385          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>       | <b>14.418.780.536</b> | <b>5.448.160.833</b> |

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

|  | VND                    |                          |
|--|------------------------|--------------------------|
|  | Năm nay                | Năm trước                |
| Chi phí khấu hao   | 590.141.557.155        | 587.377.735.482          |
| Thuế tài nguyên, phí dịch vụ môi trường rừng và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước | 251.843.273.992        | 307.246.465.353          |
| Chi phí nhân viên  | 61.608.063.623         | 69.645.211.186           |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài  | 10.947.538.233         | 8.370.678.301            |
| Chi phí khác   | 37.888.392.687         | 41.038.836.873           |
| <b>TỔNG CỘNG</b>   | <b>952.428.825.690</b> | <b>1.013.678.927.195</b> |

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

|                        | VND                    |                        |
|------------------------|------------------------|------------------------|
|                        | Năm nay                | Năm trước              |
| Chi phí lãi vay        | 277.799.861.038        | 392.412.796.174        |
| Phí tất toán trước hạn | 20.184.555.639         | 1.075.000.000          |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá   | 19.914.022.703         | 13.839.325.882         |
| Khác                   | 131.822.500            | 3.118.012.426          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>       | <b>318.030.261.880</b> | <b>410.445.134.482</b> |

**23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

|                           | VND                   |                       |
|---------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                           | Năm nay               | Năm trước             |
| Chi phí nhân viên         | 23.986.671.781        | 39.277.068.107        |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 8.269.340.976         | 8.455.090.573         |
| Thuế, phí và lệ phí       | 813.286.336           | 1.394.400.690         |
| Chi phí vật liệu quản lý  | 555.369.885           | 587.654.037           |
| Chi phí khấu hao          | 511.806.624           | 582.175.372           |
| Chi phí khác              | 13.455.416.661        | 10.406.485.550        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>          | <b>47.591.892.263</b> | <b>60.702.874.329</b> |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

|  | VND                             |                                 |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
|  | Năm nay                         | Năm trước                       |
| Chi phí khấu hao ( <i>Thuyết minh số 9</i> )   | 590.653.363.779                 | 587.959.910.854                 |
| Thuế tài nguyên, phí dịch vụ môi trường rừng và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước | 251.843.273.992                 | 307.246.465.353                 |
| Chi phí nhân viên  | 85.594.735.404                  | 99.852.661.463                  |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài  | 19.216.879.209                  | 16.825.768.874                  |
| Chi phí sửa chữa và bảo trì tài sản cố định  | 6.288.471.503                   | 7.779.216.694                   |
| Chi phí nguyên vật liệu  | 6.242.530.564                   | 6.674.865.965                   |
| Chi phí khác   | 40.181.463.502                  | 48.042.912.321                  |
| <b>TỔNG CỘNG</b>   | <b><u>1.000.020.717.953</u></b> | <b><u>1.074.381.801.524</u></b> |

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Theo Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 10% đối với thu nhập chịu thuế từ doanh thu bán điện trong vòng 15 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2005) và mức thuế suất phổ thông đối với thu nhập chịu thuế từ các hoạt động khác.

Đối với dự án Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp và chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp hiện đang được áp dụng theo các quy định hiện hành.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**25.1 Chi phí thuế TNDN**

|  | VND                          |                              |
|--|------------------------------|------------------------------|
|  | Năm nay                      | Năm trước                    |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành                      | 73.583.609.840               | 98.440.415.400               |
| Điều chỉnh thuế TNDN trích bổ sung cho năm trước | -                            | 2.290.000                    |
| <b>Chi phí thuế TNDN</b>                         | <b><u>73.583.609.840</u></b> | <b><u>98.442.705.400</u></b> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**25.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)**

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

|  | VND                    |                          |
|--|------------------------|--------------------------|
|  | Năm nay                | Năm trước                |
| <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>               | <b>521.223.816.842</b> | <b>1.091.743.272.268</b> |
| Thuế TNDN theo thuế suất 20%                           | 104.244.763.369        | 218.348.654.452          |
| <i>Điều chỉnh:</i>                                     |                        |                          |
| Chi phí không được trừ                                 | 153.652.479            | 768.834.555              |
| Điều chỉnh thuế TNDN theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP (*) | 1.125.230.006          | -                        |
| Điều chỉnh thuế TNDN trích bổ sung cho năm trước       | -                      | 2.290.000                |
| Thuế TNDN được miễn                                    | (31.940.036.014)       | (120.677.073.607)        |
| <b>Chi phí thuế TNDN</b>                               | <b>73.583.609.840</b>  | <b>98.442.705.400</b>    |

(\*) Theo hướng dẫn của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020 quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết do Chính phủ ban hành, Công ty đã ghi nhận điều chỉnh giảm chi phí TNDN trong năm hiện hành với tổng giá trị là 1.125.230.006 VND.

**25.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**25.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cùng với biến động trong năm nay và năm trước như sau:

|                                | VND                               |                   |   |                  |
|--------------------------------|-----------------------------------|-------------------|---|------------------|
|                                | <i>Bảng cân đối kế toán riêng</i> |                   | <i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i> |                  |
|                                | <i>Số cuối năm</i>                | <i>Số đầu năm</i> | <i>Năm nay</i>                                    | <i>Năm trước</i> |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 518.657.708                       | 518.657.708       | -   | -                |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan bao gồm các công ty con, các công ty trong cùng tập đoàn Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh ("Tập đoàn") và các bên liên quan khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

| <i>Bên liên quan</i>                                      | <i>Mối quan hệ</i>  |
|---|---|
| Ông Võ Thành Trung<br>Ông Nguyễn Văn Thanh                | Chủ tịch Hội đồng quản trị<br>Tổng Giám Đốc -<br>Thành viên Hội đồng quản trị |
| Ông Lê Tuấn Hải   | Thành viên Hội đồng quản trị  |
| Ông Nguyễn Quang Quyền                                    | Thành viên Hội đồng quản trị  |
| Ông Nguyễn Thanh Hải                                      | Thành viên Hội đồng quản trị  |
| Ông Quách Vĩnh Bình                                       | Trưởng Ban Kiểm soát  |
| Ông Hoàng Kim Minh  | Thành viên Ban Kiểm soát  |
| Ông Trần Văn Hoàng  | Thành viên Ban Kiểm soát  |
| Ông Hoàng Anh Tuấn  | Phó Tổng Giám đốc   |
| Ông Dương Tấn Tường                                       | Phó Tổng Giám đốc   |
| Ông Trần Công Đàm   | Phó Tổng Giám đốc   |
| Bà Phan Thị Thanh Thúy                                    | Kế toán trưởng  |
| Ông Trần Công Đàm   | Giám đốc Chi nhánh  |
| Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh                              | Công ty mẹ cao nhất   |
| Công ty TNHH Năng lượng R.E.E                             | Công ty mẹ  |
| Tổng Công ty Phát Điện 3 – CTCP                           | Cổ đông lớn   |
| Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam         | Công ty trong cùng tập đoàn<br>với cổ đông lớn                                |
| Công ty TNHH MTV Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật VSH           | Công ty con   |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà                         | Công ty con của công ty mẹ  |
| Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa                         | Công ty con của cổ đông lớn   |
| Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình                      | Công ty con của cổ đông lớn   |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng<br>Tín Hiệu Xanh | Công ty trong cùng tập đoàn   |
| Công ty TNHH Bất động sản REE                             | Công ty trong cùng tập đoàn   |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật<br>Cơ Điện Lạnh R.E.E  | Công ty trong cùng tập đoàn   |
| Công ty Cổ phần Năng lượng Mặt trời REE                   | Công ty trong cùng tập đoàn   |
| Công ty TNHH Quản lý & Khai thác Bất động sản<br>R.E.E    | Công ty trong cùng tập đoàn   |
| Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ REEPRO                   | Công ty trong cùng tập đoàn   |
| Công ty Cổ phần Điện máy R.E.E                            | Công ty trong cùng tập đoàn   |
| Công ty Cổ phần Bất động sản Song Mai                     | Công ty trong cùng tập đoàn   |
| Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình                     | Công ty trong cùng tập đoàn   |
| Công ty TNHH Nước sạch REE                                | Công ty trong cùng tập đoàn   |
| Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ RMC                     | Công ty trong cùng tập đoàn   |
| Công ty Cổ phần Phát triển Điện Trà Vinh                  | Công ty trong cùng tập đoàn   |
| Công ty Cổ phần Hạ tầng và Bất động sản Việt Nam          | Công ty trong cùng tập đoàn   |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà                  | Công ty trong cùng tập đoàn   |
| Công ty Cổ phần Bất động sản Tân Hải                      | Công ty trong cùng tập đoàn   |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ                      | Công ty có liên quan<br>của Thành viên Hội đồng quản trị                      |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung                      | Công ty có liên quan<br>của Thành viên Hội đồng quản trị                      |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ                         | Công ty có liên quan<br>của Thành viên Hội đồng quản trị                      |
| Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại                        | Công ty có liên quan<br>của Thành viên Hội đồng quản trị                      |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam                        | Công ty có liên quan<br>của Thành viên Hội đồng quản trị                      |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An                         | Công ty có liên quan<br>của Thành viên Hội đồng quản trị                      |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:*

Nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư hoặc nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc năm tài chính không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty có liên quan trong năm bao gồm:

| VND   |   |   |   |                                       |
|---|---|---|---|---------------------------------------|
| <i>Bên liên quan</i>                              | <i>Mối quan hệ</i>                          | <i>Nội dung nghiệp vụ</i>   | <i>Năm nay</i>                          | <i>Năm trước</i>                      |
| Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam | Công ty trong cùng tập đoàn với cổ đông lớn | Bán điện  | 1.824.439.095.390                       | 2.571.342.429.434                     |
| Công ty TNHH Năng lượng R.E.E                     | Công ty mẹ                                  | Chia cổ tức   | 186.319.467.000                         | 372.638.934.000                       |
| Tổng Công ty Phát Điện 3 - CTCP                   | Cổ đông lớn                                 | Chia cổ tức   | 108.274.573.500                         | 216.549.147.000                       |
| Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh                      | Công ty mẹ cao nhất                         | Vay và hoàn trả gốc vay<br>Lãi vay và lãi trái phiếu<br>Gốc trái phiếu đã trả | 1.258.000.000.000<br>4.845.002.740<br>- | -<br>4.732.939.727<br>153.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa                 | Công ty con của cổ đông lớn                 | Gốc trái phiếu đã trả<br>Lãi trái phiếu                                       | -<br>-                                  | 66.000.000.000<br>2.783.824.658       |

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

| VND   |   |                           |                        |                          |
|---|---|---------------------------|------------------------|--------------------------|
| <i>Bên liên quan</i>                              | <i>Mối quan hệ</i>                          | <i>Nội dung nghiệp vụ</i> | <i>Số cuối năm</i>     | <i>Số đầu năm</i>        |
| <b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i></b>    |   |                           |                        |                          |
| Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam | Công ty trong cùng tập đoàn với cổ đông lớn | Bán điện                  | <u>579.040.431.239</u> | <u>1.171.028.198.031</u> |
| <b><i>Phải trả người bán ngắn hạn</i></b>         |   |                           |                        |                          |
| Công ty TNHH MTV Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật VSH   | Công ty con                                 | Mua dịch vụ               | <u>624.375.661</u>     | <u>624.375.661</u>       |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

| VND                             |             |                    |                       |                        |
|---------------------------------|-------------|--------------------|-----------------------|------------------------|
| Bên liên quan                   | Mối quan hệ | Nội dung nghiệp vụ | Số cuối năm           | Số đầu năm             |
| <b>Phải trả ngắn hạn khác</b>   |             |                    |                       |                        |
| Công ty TNHH Năng lượng R.E.E   | Công ty mẹ  | Chia cổ tức        | 62.106.489.000        | 372.638.934.000        |
| Tổng Công ty Phát Điện 3 - CTCP | Cổ đông lớn | Chia cổ tức        | 36.091.524.500        | 216.549.147.000        |
|                                 |             |                    | <b>98.198.013.500</b> | <b>589.188.081.000</b> |

**Các cam kết khác**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty đang được Công ty TNHH Năng lượng R.E.E, công ty mẹ, thế chấp 15.000.000 cổ phiếu mã VSH để bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty tại ngân hàng Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Hội Sở (Thuyết minh 17).

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

|   |  |               | VND                  |                      |
|---|--|---------------|----------------------|----------------------|
|   | Chức vụ                                      | Năm nay       | Năm trước            |                      |
| <b>Thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc</b> |  |               | <b>6.253.574.360</b> | <b>6.439.006.070</b> |
| Ông Võ Thành Trung  | Chủ tịch HĐQT                                | 1.492.300.248 | 1.827.018.690        |                      |
| Ông Nguyễn Văn Thanh  | Thành viên kiêm Tổng Giám đốc                | 1.369.895.900 | 1.679.547.900        |                      |
| Ông Nguyễn Quang Quyền  | Thành viên                                   | 221.607.600   | 221.607.600          |                      |
| Ông Lê Tuấn Hải   | Thành viên                                   | 221.607.600   | 221.607.600          |                      |
| Ông Nguyễn Thanh Hải  | Thành viên                                   | 221.607.600   | 221.607.600          |                      |
| Ông Dương Tấn Tường   | Phó Tổng Giám đốc                            | 911.841.622   | 1.133.808.340        |                      |
| Ông Hoàng Anh Tuấn  | Phó Tổng Giám đốc                            | 911.841.622   | 1.133.808.340        |                      |
| Ông Trần Công Đàm   | Phó Tổng Giám đốc từ ngày 1 tháng 9 năm 2024 | 902.872.168   | -                    |                      |
| <b>Thu nhập của Ban Kiểm soát</b>                                   |  |               | <b>420.179.760</b>   | <b>666.187.640</b>   |
| Ông Quách Vĩnh Bình   | Trưởng BKS                                   | 161.607.600   | 153.527.220          |                      |
| Ông Trần Văn Hoàng  | Thành viên                                   | 129.286.080   | 129.286.080          |                      |
| Ông Hoàng Kim Minh  | Thành viên                                   | 129.286.080   | 96.964.560           |                      |
| Ông Trương Minh Tuấn  | Trưởng BKS đến ngày 29 tháng 3 năm 2023      | -             | 286.409.780          |                      |
| <b>TỔNG CỘNG</b>  |  |               | <b>6.673.754.120</b> | <b>7.105.193.710</b> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. CÁC VỤ KIẾN TỤNG**

**1. Vụ C47 kiện Công ty tại Tòa án Nhân dân ("TAND") Thành phố Quy Nhơn**

Vào ngày 7 tháng 6 năm 2023, TAND Thành phố Quy Nhơn đã thụ lý vụ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng 47 ("C47") kiện Công ty để yêu cầu Công ty thanh toán số tiền còn nợ theo Quyết toán Hợp đồng 1382 với nợ gốc là 15.184.549.985 VND và tiền lãi là 4.203.102.401 VND, tổng yêu cầu theo Đơn khởi kiện là 20.022.998.985 VND. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đã ghi nhận khoản phải trả C47 với số tiền gốc trị giá 15.184.549.985 VND.

Vào ngày 8 tháng 7 năm 2024, TAND Thành phố Quy Nhơn đã tuyên án sơ thẩm và chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của C47, buộc Công ty thanh toán cho C47 số tiền còn nợ theo Quyết toán Hợp đồng 1382 với nợ gốc là 15.184.549.985 VND và tiền lãi là 4.022.263.640 VND.

Vào ngày 20 tháng 7 năm 2024, Công ty đã gửi đơn kháng cáo đến TAND Tỉnh Bình Định để xem xét lại vụ việc theo trình tự phúc thẩm.

Vào ngày 25 tháng 10 năm 2024, TAND Thành phố Quy Nhơn đã có thông báo thụ lý để xét xử phúc thẩm.

Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này, vụ kiện chưa được đưa ra xét xử phúc thẩm.

**2. Vụ C47 kiện Công ty tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế ("VIAC")**

Vào ngày 24 tháng 1 năm 2024, C47 khởi kiện Công ty để yêu cầu Công ty thanh toán số tiền còn nợ của Hợp đồng 653 với nợ gốc là 35.117.541.752 VND và tiền lãi là 9.911.639.376 VND.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đã ghi nhận khoản phải trả C47 với số tiền gốc trị giá 32.679.711.752 VND.

Vào ngày 4 tháng 2 năm 2025, Công ty nhận được Phán quyết Trọng tài Vụ tranh chấp số 23/24/HCM được lập ngày 23 tháng 1 năm 2025. Theo Phán quyết này, Công ty có nghĩa vụ thanh toán cho C47 các khoản tiền sau lần lượt là tiền nợ gốc là 20.336.880.378 VND, tiền lãi chậm trả là 9.939.797.976 VND, phí Trọng tài là 467.847.895 VND và chi phí pháp lý là 500.000.000 VND.

Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc đang trong quá trình thực hiện các thủ tục cần thiết theo các trình tự pháp lý để tiếp tục kiện tụng với C47.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro tổn thất từ các vụ kiện này là thấp và theo đó Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng cho tiền lãi phạt chậm thanh toán và các chi phí trọng tài và chi phí pháp lý nêu trên do tranh chấp đang được Tòa án giải quyết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Ngoài các sự kiện được nêu tại Thuyết minh số 27, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

  
  
  


---

Lê Thị Hải Yến  
Người lập

Phan Thị Thanh Thủy  
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thanh  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Ngày 4 tháng 3 năm 2025

